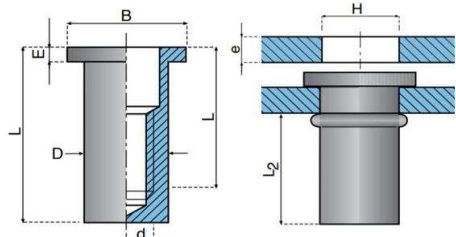


TÁN RÚT

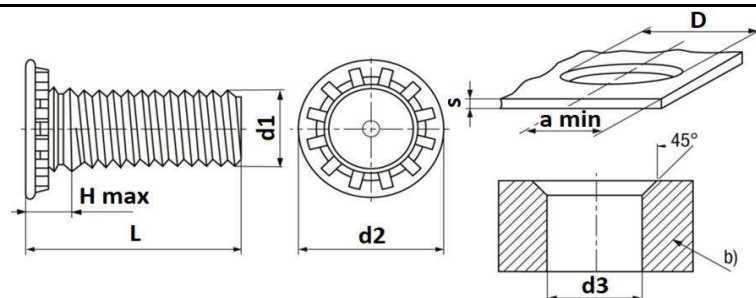


Mã vật liệu (V)

H00	Inox 304
A70	Thép mạ kẽm vàng

Mã hàng	Kích thước ren	Vật liệu (V)	L (mm)	B (mm)	D (mm)	H (mm)	e (mm)
N06M0301(V)	M3	H00 - A70	9.8	8	4.95	5	0.3-2
N06M0401(V)	M4	H00 - A70	12	9	5.95	6	0.3-2.5
N06M0501(V)	M5	H00 - A70	13	10	6.795	7	0.3-3
N06M0601(V)	M6	H00 - A70	15.5	12	8.95	9	0.5-3
N06M0801(V)	M8	H00 - A70	17.5	15	10.95	11	
N06M1001(V)	M10	H00 - A70	21	17	12.95	13	1-3.5
N06M1201(V)	M12	H00 - A70	25	19	14.95	15	

CÁY REN DƯỠNG TẮM KIM LOẠI



Mã hàng thép C1018	Mã hàng inox 304	Size ren (d1)	L ±0.4	s min	D+0.08	d2 ±0.4	H max	d3	a min
SM16M02506D2	SM16M02506H0	M2.5	6	1	2.5	4.1	1.95	3.1	5.4
SM16M02508D2	SM16M02508H0		8						
SM16M02510D2	SM16M02510H0		10						
SM16M02512D2	SM16M02512H0		12						
SM16M02515D2	SM16M02515H0		15						
SM16M02518D2	SM16M02518H0		18						
SM16M02520D2	SM16M02520H0		20						
SM16M03005D2	SM16M03005H0	M3	5	1	3	4.6	2.1	3.6	5.6
SM16M03006D2	SM16M03006H0		6						
SM16M03007D2	SM16M03007H0		7						
SM16M03008D2	SM16M03008H0		8						
SM16M03009D2	SM16M03009H0		9						
SM16M03010D2	SM16M03010H0		10						
SM16M03012D2	SM16M03012H0		12						
SM16M03014D2	SM16M03014H0		14						
SM16M03015D2	SM16M03015H0		15						